

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 380/2025/HC-PT

Ngày: 08 - 4 - 2025

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phan Tô Ngọc

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 1166/2024/TLPT-HC ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2024/HC-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 400/2025/QĐPT-HC ngày 20 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê Văn T, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: Số A khu phố L, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện Đ (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Kim P – Phó Chủ tịch (xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

Ông Lê Minh T1 – Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện L (xin vắng mặt)

Ông Phan Văn H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Đ (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (xin vắng mặt)

Ông Cao Trung T2 – Công chức Địa chính – Xây dựng Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Đ (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (xin vắng mặt)

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Đ (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P (xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Cao Trung T2 – Cán bộ địa chính – xây dựng thị trấn P (xin vắng mặt);

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân tỉnh B (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A đường P, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Ủy ban nhân dân thị trấn P.

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P (xin vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A khu phố L, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Nguyễn Phương T3, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Số A khu phố L, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là ông Lê Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, người khởi kiện trình bày:

Tại đơn khởi kiện ngày 13-07-2023 (BL13-14) và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Văn T khởi kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cụ thể như sau:

- Hủy Công văn số 4605/UBND-PTNMT ngày 10-5-2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc trả lời hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị M;

- Hủy Quyết định số 324/QĐ - XPVPHC ngày 21-12-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P;

- Tuyên hành vi của Ủy ban nhân dân huyện Đ không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 12.249,2m² đất trồng cây lâu năm, thửa 12 tờ bản đồ số 8, tương ứng bản đồ địa chính cũ thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 4 tọa lạc tại tổ D, khu phố L, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho ông Lê Văn T là trái pháp luật và buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T.

Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Nguồn gốc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 8 diện tích 12.249,2m² (tương ứng thửa cũ là thửa 22, tờ bản đồ 04 cũ) có nguồn gốc từ trước năm 1993 do ông Lê Văn C (là bố ruột ông T) và ông T khai phá sử dụng. Phần đất này nằm liền kề với phần đất mộ của gia đình sử dụng.

Ngày 16-5-2018, gia đình ông đã nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại xã P.

Ngày 10-5-2021, Ủy ban nhân dân huyện Đ mới có văn bản số 4605/UBND-PTNMT về việc trả lời hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị M. Tại văn bản này ông mới biết đất của ông bị xử phạt hành chính về hành vi lấn chiếm đất nhà nước theo Quyết định số 324/QĐ-XPHC ngày 21-12-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P.

Ngày 08-02-2022, Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành văn bản 1221/UBND-TNMT thông báo hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bị thất lạc và phải thực hiện nộp lại hồ sơ.

Theo ông T, nguồn gốc đất gia đình ông khai hoang phục hóa từ trước năm 1993. Mồ mả tổ tiên ông, bà của ông cũng được chôn cất sát với lô đất này. Ngày 12-6-1993, ba ông đã làm giấy tặng cho toàn bộ lô đất cho ông T. Khi khai hoang gia đình ông có trồng một số cây lâu năm, cây điều trên đất và cải tạo đất phục vụ công tác nông nghiệp. Tại sổ mục kê tại xã P thể hiện thửa đất số 12, tờ bản đồ số 8 do ông T sử dụng chứ không phải đất công do Nhà nước quản lý. Khi ông C để lại đất cho ông còn có một số giấy tờ như: Bản mô tả ranh giới, mốc giới do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ lập ngày 23-11-2017; Sơ đồ vị trí thửa đất 1/2000 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ lập ngày 17-11-2017; Trích lục bản đồ địa chính thị trấn A thị trấn P năm 2020 kèm theo sổ mục kê lập với dạng số theo kết quả đo đạc bản đồ địa chính ngày 15-3-2022. Do vậy, ông đủ căn cứ để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày:

Tại Văn bản số 03/UBND-PTNMT ngày 03/1/2024 (BL 29-31) và tại phiên tòa xét xử vụ án, Ủy ban nhân dân huyện Đ có ý kiến:

2.1. Về hồ sơ địa chính:

Vị trí thửa đất mà ông Lê Văn T lấn, chiếm không được cấp Giấy chứng nhận thuộc một phần thửa đất số 22, tờ bản đồ số 4 cũ (tương ứng bản đồ mới năm 2020 là thửa đất số 12 tờ bản đồ số 8).

Theo Bản đồ địa chính năm 1998: Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 04 là thửa đất đo bao có diện tích 1.383.391 m², là thửa đất hoang do Ủy ban nhân dân xã P (nay là thị trấn P) đăng ký, quản lý.

Theo Bản đồ số hóa năm 2006: Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 04 là thửa đất đo bao có diện tích 1.160.854 m², là đất bằng chưa sử dụng do Ủy ban nhân dân thị trấn P, quản lý.

Theo hồ sơ địa chính năm 2020: Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 8 có diện tích 12.249,2 m², do ông Lê Văn T đăng ký nhưng Ủy ban nhân dân thị trấn P là người quản lý.

Theo Báo cáo số 184/BC-UBND ngày 26/8/2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn P báo cáo tình hình đất công trên địa bàn thị trấn, phần diện tích 12.249,2 m² thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 4 là đất công do Ủy ban nhân dân thị trấn P quản lý.

Theo Quyết định số 3693/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh thì phần diện tích đất 12.249,2 m² thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 4 là đất công do Ủy ban nhân dân thị trấn P quản lý.

2.2. Việc lập biên bản vi phạm hành chính và ban hành các Quyết định đối với ông Lê Văn T:

Ngày 15/12/2017, Ủy ban nhân dân thị trấn P đã tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 23/BB-VPHC trong lĩnh vực đất đai đối với ông Lê Văn T, địa chỉ thường trú khu phố L, thị trấn P do đã có hành vi tự ý trồng trọt và trồng cây trên đất do nhà nước quản lý diện tích 12.103 m² thửa đất số 22, tờ bản đồ số 4, theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 102/2014/ NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 21/12/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P ban hành Quyết định số 324/QĐ-UBND xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Lê Văn T về hành vi lấn, chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất.

3. Quá trình xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị M:

Ngày 15/11/2019, ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị M có làm đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với phần diện tích 12.249,2 m², thửa đất số 12, tờ bản đồ số 8, thị trấn P, sử dụng vào mục đích: Đất trồng cây lâu năm. Đơn được Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thị trấn P tiếp nhận vào ngày 16/3/2021.

Ngày 16/3/2021, Ủy ban nhân dân thị trấn P họp lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của ông Lê Văn T.

Ngày 17/3/2021, Ủy ban nhân dân thị trấn P niêm yết danh sách công khai kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị M và kết thúc niêm yết công khai vào ngày 01/4/2021.

Ngày 01/4/2021, Ủy ban nhân dân thị trấn P xác nhận vào Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị M như sau:

Nội dung kê khai so với hiện trạng: Trên đất có một chòi tạm, hàng rào tạm và cây tràm.

Nguồn gốc sử dụng đất: Theo hồ sơ địa chính là đất công do Nhà nước quản lý. Đến năm 2017, ông Lê Văn T mới vào khu đất này trồng tràm thì Ủy ban nhân dân thị trấn P có đến làm việc với ông T và lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đồng thời ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Văn T về hành vi lấn chiếm đất Nhà nước (Quyết định số 324/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2017).

Thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký: Năm 2017.

Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất: Không xác nhận.

Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất: Hiện tại không tranh chấp.

Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng: Đất nuôi trồng thủy sản.

Nội dung khác: Không xác nhận.

Ngày 14/4/2021, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ có Công văn số 560/CNVPĐK-ĐKCG về việc hồ sơ cấp Giấy chứng nhận của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị M. Tại nội dung Công văn, Chi nhánh Văn phòng Đ huyện xác nhận trường hợp của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị M không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận do sử dụng đất năm 2017 và không phù hợp quy hoạch sử dụng đất.

Ngày 04/5/2021, Phòng T5 có Báo cáo số 168/BC-PTNMT về việc giải quyết hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị M, đất tại thị trấn P. Nội dung Báo cáo, Phòng T5 kính đề nghị Ủy ban nhân dân huyện có văn bản trả lời cho ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị M theo hướng không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do lấn chiếm đất nhà nước vào năm 2017.

Ngày 10/5/2021, Ủy ban nhân dân huyện C Văn bản số 4605/UBND-PTNMT về việc trả lời hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T4 và bà Nguyễn Thị M, đất tại thị trấn P.

4. Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 21/12/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P ban hành Quyết định số 324/QĐ-UBND xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Lê Văn T.

Ngày 10/5/2021, Ủy ban nhân dân huyện C Văn bản số 4605/UBND-PTNMT về việc trả lời hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị M, đất tại thị trấn P.

Ngày 09/11/2023, Tòa án nhân dân tỉnh có Thông báo số 290/2023/TLST-HC thụ lý vụ án hành chính sơ thẩm về việc “*Khởi kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính*” theo đơn khởi kiện của ông Lê Văn T, đất tại thị trấn P, huyện Đ.

Như vậy, tính từ ngày ban hành Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P và Công văn số 4605/UBND-PTNMT ngày 10/5/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đ đến ngày 09/11/2023, ông Lê Văn T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh là hơn 1 năm. Căn cứ Khoản 1 và Đ a Khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 thì việc ông Lê Văn T khởi kiện thuộc trường hợp thời hiệu khởi kiện đã hết, ông Lê Văn T bị mất quyền khởi kiện.

5. Quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện Đ:

Như đã viện dẫn của Mục 4 của Văn bản và căn cứ Điểm g Khoản 1 Điều 143 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Ủy ban nhân dân huyện Đ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 290/2023/TLST-HC ngày 09/11/2023.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày:

Tại văn bản số 3116/UBND-VP ngày 15-3-2024 và tại phiên tòa xét xử vụ án, Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày cụ thể như sau:

Tại văn bản số 82/UBND-ĐCXĐ ngày 22-02-2024 của Ủy ban nhân dân thị trấn P đã báo cáo nguồn gốc diện tích 12.249,2 m² đất có nguồn gốc là đất công do Nhà nước quản lý. Nguồn gốc đất 12.249,2 m² thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 4 tương ứng bản đồ mới là thửa đất số 12, tờ bản đồ số 8, tại thị trấn P, huyện Đ.

Theo hồ sơ địa chính năm 1998, năm 2006: thửa đất số 22, tờ bản đồ số 4 là loại đất bằng chưa sử dụng là nhà nước quản lý nên nằm trong diện tích đất công theo Quyết định số 3693/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giao các khu đất công trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

cho các đơn vị quản lý.

Đến năm 2017 thì gia đình ông T vào khu đất này trồng cây tràm và đã bị Ủy ban nhân dân thị trấn P lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi lấn chiếm đất đai và ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 324/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2017 của Ủy ban nhân dân thị trấn P.

Về quy trình, trình tự ban hành quyết định 3693/QĐ-UBND ngày 31-12-2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B: Diện tích đất công Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân huyện Đ quản lý là 1.286,86ha. Quy trình rà soát đưa vào danh sách /TTr-STNMT đất công theo tờ trình số 7500/TTr-STNMT ngày 18-12-2019 của Sở TNMT là đúng quy trình, trình tự thủ tục pháp luật quy định. Do vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành quyết định 3693/QĐ-UBND ngày 31-12-2019 là phù hợp với quy định pháp luật. Do vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến về tính hợp pháp như trên đối với quyết định 3693/QĐ-UBND ngày 31-12-2019 của TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Đ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trình bày:

Tại văn bản số 01/UBND- ĐCXĐ ngày 02-01-2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có ý kiến như sau:

Về nguồn gốc đối với phần diện tích đất 12.249,2 m² thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 4 tương ứng bản đồ mới là thửa đất số 12, tờ bản đồ số 8, tại thị trấn P, huyện Đ:

Theo hồ sơ địa chính năm 1998, 2006: thửa đất số 22, tờ bản đồ số 4 loại đất bằng chưa sử dụng là đất do Nhà nước quản lý nên nằm trong diện tích đất công theo Quyết định số 3693/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc giao các khu đất công trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho các đơn vị quản lý.

Về quan điểm của Ủy ban nhân dân thị trấn P đối với phần nguồn gốc đất của phần diện tích 12.249,2 m² có nguồn gốc là đất công do Nhà nước quản lý, đến năm 2017 thì gia đình ông Lê Văn T và khu đất này trồng cây tràm thì Ủy ban nhân dân thị trấn có đến làm việc với ông T và lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai và ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 324/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2017 của Ủy ban nhân dân thị trấn P đối với ông Lê Văn T về hành vi lấn chiếm đất nhà nước.

Quan điểm của địa phương đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T đối với phần diện tích đất 12.249,2m² thuộc thửa đất số 22, tờ bản đồ số 4 tương ứng bản đồ mới là thửa đất số 12, tờ bản đồ số 8 và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 324/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2017 của Ủy ban nhân dân thị trấn

P là không có cơ sở.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M là ông Lê Nguyễn Phương T3 trình bày:

Bà M thống nhất và đồng ý với kiến trình và yêu cầu khởi kiện như ông Lê Văn T đã trình bày và không có ý kiến gì khác.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2024/HC-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về việc:

- Hủy Quyết định số 324/QĐ-XPHC ngày 21-12-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Đ về việc xử phạt hành chính;

- Hủy Văn bản số 4605/UBND-PTNMT ngày 10/5/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc trả lời không nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T.

- Tuyên hành vi không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 12.249,2 m² thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại Tổ dân cư số A, khu phố L là trái pháp luật.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ tiếp tục thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 12.249,2 m² thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại Tổ dân cư số A, khu phố L cho ông Lê Văn T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/5/2024 người khởi kiện ông Lê Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là ông Lê Văn T vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vì bản án sơ thẩm ghi tiêu đề sai (nhân danh nước “Cộng Hòa Thị Trấn H Việt Nam”) và chưa làm rõ việc giả chữ ký trong đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị M (có ông Lê Nguyễn Phương T3 đại diện theo ủy quyền) yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng thực hiện

đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bản án sơ thẩm cấp cho đương sự ghi sai tiêu đề do có sai sót về chính tả nhưng không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân thị trấn P, xin vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân tỉnh B vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn T cung cấp bản án sơ thẩm được tổng đạt cho ông T và cho rằng tiêu đề của bản án ghi nội dung “Nhân Danh Nước Cộng Hòa Thị Trấn Hội Việt Nam” là vi phạm tố tụng. Xét, tại bản án gốc có trong hồ sơ vụ án (BL 191-196) thể hiện tiêu đề bản án ghi đúng theo mẫu nhưng khi phát hành bản án cho các đương sự thì Tòa án cấp sơ thẩm lại ghi sai tiêu đề là có sai sót nhưng sai sót này chỉ là lỗi soạn thảo văn bản, không ảnh hưởng đến bản chất giải quyết vụ án nên không phải vi phạm nghiêm trọng tố tụng, vì vậy không cần thiết hủy án. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 15-12-2017, Ủy ban nhân dân thị trấn P lập biên bản vi phạm hành chính số 23/BB-VPHC với ông Lê Văn T do có hành vi lấn, chiếm đất do Nhà nước quản lý. Căn cứ biên bản trên, ngày 21-12-2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 324/QĐ-XPVPHC đối với ông T. Ngày 25-12-2017, Ủy ban nhân dân thị trấn P lập biên bản bàn giao Quyết định số 324/QĐ-XPVPHC cho ông T, nhưng do ông T không có mặt tại nhà nên Ủy ban nhân dân thị trấn P đã niêm yết quyết định này tại địa chỉ nhà ông T tại 1 khu phố L, thị trấn P, huyện Đ.

[3] Ông T cho rằng nguồn gốc thửa đất này từ trước năm 1993 do ông Lê Văn C (là bố ruột ông T) và ông T khai phá sử dụng; Phần đất này nằm liền kề phần đất mộ của gia đình sử dụng nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

[4] Theo Sổ mục kê đất năm 1998, 2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P quản lý (BL71-74) thì thửa số 22 tên người kê khai đăng ký là Ủy ban nhân dân (Ủy ban nhân dân thị trấn P).

Theo Báo cáo số 01/BC-UBND ngày 02-01-2024 (BL87) của Ủy ban nhân dân thị trấn P thì phần diện tích 12.249,2m² thửa đất số 12, tờ bản đồ số 8 tương ứng bản đồ cũ là thửa số 22, tờ bản đồ số 4 theo bản đồ địa chính và sổ mục kê năm 1998, 2006 thể hiện loại đất bằng chưa sử dụng. Năm 2019 được đưa vào danh sách đất công là đất do Nhà nước quản lý theo quyết định 3693/QĐ-UBND ngày 31-12-2019.

Ngày 01- 4-2021 Ủy ban nhân dân thị trấn P có xác nhận với nội dung: “Nguồn gốc sử dụng đất: Theo hồ sơ địa chính là đất công do Nhà nước quản lý. Đến năm 2017, thì gia đình ông Lê Văn T mới vào khu đất này trồng cây tràm thì Ủy ban nhân dân thị trấn có đến làm việc với ông T và lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai. Đồng thời ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Lê Văn T về hành vi lấn chiếm đất Nhà nước (Quyết định xử phạt số 324/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2017)”.

[5] Từ những tài liệu, chứng cứ trên có cơ sở xác định Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P ban hành Quyết định số 324/QĐ-XPVPHC ngày 21-12-2017 xử phạt vi phạm hành chính đối với ông T do hành vi lấn chiếm đất do Nhà nước quản lý là có căn cứ.

[6] Ngày 16-5-2018 gia đình ông Lê Văn T đã nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 12, tờ bản đồ số 8 diện tích 12.249,2m² tại xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 10-5-2021 Ủy ban nhân dân huyện Đ có văn bản số 4605/UBND-PTNMT về việc trả hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng của ông T là đúng quy định pháp luật.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh nên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[8] Các quyết định khác của bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Văn T, sinh năm 1964 là người cao tuổi nên được miễn theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn T; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2024/HC-ST ngày 23/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Áp dụng Điều 28; Điều 57; Điều 68; Điều 70; Điều 85; Điều 86 và Điều 87 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 4; Điều 5; Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19-11-2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về việc:

- Hủy Quyết định số 324/QĐ-XPHC ngày 21-12-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Đ về việc xử phạt hành chính;

- Hủy Văn bản số 4605/UBND-PTNMT ngày 10/5/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc trả lời không nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T.

- Tuyên hành vi không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 12.249,2 m² thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại Tổ dân cư số A, khu phố L là trái pháp luật.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện Đ tiếp tục thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 12.249,2 m² thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại Tổ dân cư số A, khu phố L cho ông Lê Văn T.

2. Các quyết định khác của bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Văn T được miễn. Hoàn trả cho ông Lê Văn T 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 005966 ngày 08-5-2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP . HCM;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Nhựt Bình

